TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/DS-ST
Ngày: 11-8-2023
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Phong
2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 267/TB-TA ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Văn G, sinh năm: 1950.
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Ông Lê Văn Y, sinh năm: 1952.
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.
Ông Y ủy quyền cho chị Võ Thị Thúy Ng, sinh năm: 1988. Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 08/8/2023).
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Nh, sinh năm: 1993; Địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 10/2020 ông Lê Văn Y có nhờ tôi vay dùm cho ông Y hai lần với số tiền 220.000.000 đồng. Trong đó ngày 12/10/2020 vay số tiền 140.000.000 đồng, ngày 13/10/2020 vay thêm 80.000.000 đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 3,5%/tháng. Hai lần vay ông Y đều có viết giấy nhận nợ. Ông Y nói vay để trả nợ

ngân hàng. Ông Y cam kết đến ngày 20/12/2020 sẽ trả hết vốn nhưng từ khi vay đến nay ông Y không trả lãi và vốn cho tôi. Nhiều lần tôi nhắc nhở ông Y trả số tiền trên nhưng ông Y không thực hiện.

Nay, yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn Y có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 220.000.000 đồng, tôi rút lại không yêu cầu trả tiền lãi. Tôi không đồng ý với lời trình bày và tài liệu chứng cứ của chị Trần Thị Nh về đoạn ghi âm và bảng lược ghi vì không liên quan đến số tiền ông Y vay của tôi.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Y trình bày:

Ông Y thừa nhận có vay tiền của ông G hai lần với số tiền là 220.000.000 đồng để đưa cho cháu dâu là Trần Thị Nh, sinh năm: 1993, trú tại ấp Q, xã Q, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và cháu Nh có trả cho ông G nhiều lần với số tiền 249.000.000 đồng. Nay ông G yêu cầu ông Y phải trả số tiền 220.000.000 đồng thì ông Y không đồng ý.

Theo biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa chị Trần Thị Nh trình bày:

Vào ngày 20/12/2020 tôi có vay tiền của ông Đào Văn G số tiền 220.000.000 đồng, lãi suất 09%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Số tiền này tôi nhờ ông Lê Văn Y vay dùm tôi từ ông G. Khi trả nợ ngân hàng xong do không vay lại được nên chưa trả cho ông G đúng thời gian đã thỏa thuận. Sau đó ông G gặp tôi làm lại đơn vay mượn và tôi có ký tên nhưng chỉ làm 01 bản hiện ông G đang giữ. Lúc đó tôi và ông G gặp trực tiếp trả tiền và không thông qua ông Y nữa. Tính đến ngày 27/9/2021 tôi đã trả được cho ông G số tiền 249.000.000 đồng. Trong đó trả 220.000.000 đồng tiền gốc và 29.000.000 đồng tiền lãi, nay yêu cầu tòa án xem xét áp dụng mức lãi suất 10%/năm của số tiền vay 220.000.000 đồng tính từ ngày 20/12/2020 đến ngày 27/9/2021 là 16.500.000 đồng. Số tiền tôi đóng lãi dư 12.500.000 đồng tôi không yêu cầu ông G trả lại. Giữa tôi và ông G không có làm giấy tờ về việc trả gốc lẫn lãi nhưng trong quá trình trả tôi có gọi điện thoại nói chuyện với ông G và quay video đồng thời có ghi âm, sao chép lại bảng sao kê và giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho việc trả số tiền gốc và lãi nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày lập hợp đồng vay tiền đến ngày xét xử, tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là tờ cam kết mượn tiền ghi ngày 12/10/2020 và biên bản nhận tiền ngày 13/10/2020. Bị đơn thừa nhận có vay số tiền 220.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Y không đồng ý trả số tiền 220.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn với lý do số tiền này ông Y vay cho cháu dâu là chị Nh và chị Nh đã trả cho ông G vượt số tiền đã vay. Chị Nh cũng có lời trình bày như ông Y.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1 Đối với việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được Toà án chấp nhận. Căn cứ Điều 217, 218, 219 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2.2 Theo đơn khởi kiện ngày 27/01/2023 ông Đào Văn G yêu cầu ông Lê Văn Y có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý vì cho rằng số tiền vay này giữa ông G và chị Nh đã thực hiện việc trả gốc và lãi đến ngày 27/9/2021 đã trả vượt số tiền lãi theo quy định.

Đối với lời trình bày của chị Nh cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án là đoạn ghi âm và 02 đoạn video được sao chép vào USB, bảng sao kê thấy rằng: Giữa ông Đào Văn G và chị Trần Thị Nh có sự giao dịch vay mượn số tiền 220.000.000 đồng, trả gốc và lãi.

Nguyên đơn ông G không thừa nhận và cho rằng không có cho chị Nh vay số tiền 220.000.000 đồng và nhận tiền chị Nh trả gốc và lãi. Tuy nhiên, đối với tài liệu, chứng cứ chị Nh giao nộp ông G không thừa nhận nhưng không yêu cầu giám định. Vì vậy, đây là tài liệu, chứng cứ thể hiện có việc giao dịch vay mượn số tiền 220.000.000 đồng giữa chị Nh với ông G kể cả bảng sao kê chuyển khoản tiền của chị Nh cho ông Giác qua số tài khoản.

Như vậy, có căn cứ xác định số tiền ông Y vay từ ông G và đã giao cho chị Nh vay lại. Sau đó giữa chị Nh và ông G có việc trả tiền vay gốc và lãi. Tuy đoạn ghi

âm không xác định được số tiền chị Nh đã trả cho ông G được gốc và lãi là bao nhiêu nhưng do ông G không có yêu cầu gì đối với chị Nh nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông G đối với ông Y là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92, 217, 218, 219 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn G đối với ông Lê Văn Y.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 11.000.000 đồng ông Đào Văn G có nghĩa vụ nộp. Tuy nhiên, do ông Đào Văn G là người cao thuổi nên theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ông G được miễn án phí.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí